

Bản án số: 444/2021/DS-PT

Ngày: 10/5/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Đức
Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyện – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 4 và ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án
Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án
thụ lý số 53/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 890/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm
2020 của Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng
cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1346/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng
3 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1981 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 349 Ấp Nh, xã Nhơn Thạnh Tr, Thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh
năm 1967. (*Có mặt*).

Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Đình Ch, Phường B, Thành phố Tân A, tỉnh Long
An, đại diện theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5589, quyền số 02 TP/CC-
SCC/HĐGD ngày 04/6/2019 của Văn phòng Công chứng Lê Văn Hữu, Thành
phố Tân An, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Phan Thái B, sinh năm 1968 (*Có mặt*).

Địa chỉ: 33 Đỗ Tấn Ph, Phường A, quận Phú Nh, Thành phố Hồ Chí
Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Anh D, sinh năm 1970 (*Có mặt*)

Địa chỉ: 74 Nguyễn H, Phường B, Thành phố Tân A.

2/Bà Đinh Thị Bích Lsinh năm 1972 (*Có mặt*)

Địa chỉ: 03D Phan Đình Ph, Phường C, Thành phố Tân A tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, lời trình bày của các đương sự tại Tòa án thể hiện như sau:

Nguyên đơn:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2016 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M có ông Nguyễn Minh Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/4/2016, Ông Nguyễn Văn M cho ông Phan Thanh Bình vay số tiền 132.000.000 (*một trăm ba mươi hai triệu*) đồng; lãi suất vay hai bên thỏa thuận miệng là 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Để làm tin, ông B đưa cho ông M giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00267 do Ủy ban nhân dân Thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An), tỉnh Long An cấp ngày 21/9/2005 người đứng tên của Giấy chứng nhận này là bà Đinh Thị Bích Lợ của Ông Phan Thái B . Do ông M và ông B không quen biết nhau nên lúc vay Ông Phạm Anh D là người giới thiệu, vì vậy lúc nhận tiền ông D đứng ra viết cam kết bảo lãnh đề ngày 05/4/2016 với nội dung “*tôi xin bảo lãnh cho anh Bình có mượn của ông M số tiền 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng) tôi chịu trách nhiệm về số tiền trên*”. Đến nay, đã quá hạn trả tiền mà ông B vẫn chưa trả nợ cho ông M.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Ông Phan Thái B cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Anh D phải liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền 132.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật với lãi suất 9%/năm tính từ ngày vay tiền cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Bị đơn: Ông Phan Thái B trình bày:

Ông B thừa nhận chữ viết, chữ ký trên giấy biên nhận vay tiền ngày 05/4/2016 là của ông. Tuy nhiên, nguồn gốc của việc viết giấy vay số tiền 132.000.000 đồng của nguyên đơn thì tại các bản tự khai, biên bản làm việc và hòa giải tại Tòa án bị đơn ông B khai không thống nhất. Tại phiên hòa giải cuối cùng trước khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông B xác định lại lời khai của mình như sau:

Ngày 27/10/2015: Qua sự giới thiệu của Ông Phạm Anh D, ông có gặp ông Nguyễn Minh Đ (không phải là nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M) để vay số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên không viết giấy biên nhận vay tiền nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 20%/tháng, trả lãi hàng tháng cho đến khi trả nợ gốc, không có thỏa thuận về thời gian trả tiền nợ gốc và tiền lãi cụ thể là ngày nào. Ngay sau khi đồng ý cho vay thì ông Nguyễn Minh Đ đã đưa cho ông B số tiền 18.000.000 (*mười tám triệu đồng*), ông Đ nói trừ đi 2.000.000 đồng tiền lãi tháng đầu.

Đến ngày 03/11/2015: Ông B gặp ông Đ để trả số tiền lãi 2.000.000 đồng của khoản vay 20.000.000 đồng và tiếp tục vay của ông Đ số tiền 40.000.000 đồng. Ông Đ nói số tiền lớn nên phải có giấy tờ sổ đỏ cầm thì mới cho vay nên nhân cơ hội về thăm con ở nhà vợ cũ bà Đinh Thị Bích Lữ Thành phố Tân An, tỉnh Long An, ông B đã lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00267 do Ủy ban nhân dân Thị xã Tân An (nay là Thành phố Tân An), tỉnh Long An cấp cho bà Đinh Thị Bích Lữ để đưa cho ông Đ cùng Giấy chứng nhận kết hôn giữa ông và bà Lữ để vay tiền. Lần vay tiền này, các bên cũng không viết giấy biên nhận nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 20%/tháng, trả lãi hàng tháng cho đến khi trả nợ gốc, không có thỏa thuận về thời gian trả tiền nợ gốc và tiền lãi cụ thể là ngày nào. Ngay sau khi đồng ý cho vay thì ông Đ đã đưa cho ông B số tiền 32.000.000 (*ba mươi hai triệu đồng*), ông Đ nói trừ đi 8.000.000 đồng tương đương 20% tiền lãi của tháng đầu.

Sau đó, vào các ngày 04/12/2015, ngày 05/01/2016 và ngày 05/3/2016, ông B gặp ông Đ để trả tiền lãi, mỗi lần trả 10.000.000 đồng; việc trả tiền này có lập giấy biên nhận nhưng ông không được giữ, ông chỉ ghi vào sổ tay theo dõi nợ của mình.

Đến ngày 05/4/2016: Ông B tiếp tục gặp ông Đ để trả tiền lãi. Ông Đ yêu cầu ông B phải viết giấy biên nhận vay số tiền 132.000.000 đồng, bao gồm 110.000.000 đồng số tiền còn nợ (gồm cả gốc và lãi) và 22.000.000 đồng là tiền lãi tương ứng với 20%/tháng. Do đó, ông đã viết giấy biên nhận vay số tiền 132.000.000 đồng mà nguyên đơn làm căn cứ để khởi kiện.

Ông trình bày chỉ gặp trực tiếp và nhận tiền vay từ ông Nguyễn Minh Đ, ông không biết Ông Nguyễn Văn M là ai, khi viết giấy biên nhận ngày 05/4/2016, ông Nguyễn Minh Đ đọc cho ông tên người cho vay là Ông Nguyễn Văn M nên ông đã ghi tên người cho vay là ông M.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền nợ gốc 132.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật thì ông cũng đồng ý trả cho ông M hết số tiền trên. Tuy nhiên về việc Ông Phạm Anh D liên đới chịu trách nhiệm trả nợ, ông B xác định đây là nợ cá nhân của ông không liên quan gì đến ông Dũng, ông D chỉ là người bảo lãnh nhằm tạo niềm tin đối với ông Đ để ông Đ cho ông B vay tiền vì lúc đó giữa ông B và ông Đ không có quen biết nhau. Ông D không nhận tiền vay, không sử dụng tiền vay nên ông đề nghị được chịu trách nhiệm cá nhân đối với số tiền đã vay của ông Đ.

Ngoài lời trình bày nêu trên thì bị đơn Ông Phan Thái B không có chứng cứ nào về việc vay tiền của ông Đ chia làm hai lần và số tiền lãi đã trả cho ông Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Anh D trình bày:*

Ông có thời gian dài quen biết với Ông Phan Thái B. Lúc khó khăn ông B có hỏi nhờ ông chỗ nào cho vay tiền để vay trả tiền công cho thợ xây dựng do chưa tạm ứng được tiền công trình, vì bận bịu nên ông đã giới thiệu ông B gặp ông Nguyễn Minh Đ. Sau đó, ông Đ cho ông B mượn số tiền 20.000.000 đồng. Được 3 tháng sau thì ông B đem giấy tờ sổ đỏ của vợ ông B đứng tên để vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. Ông Đ xem xong giấy tờ sổ đỏ thì nói ông B viết

giấy vay tiền và kêu ông viết giấy bảo lãnh cho ông B. Ông D nói với ông Đ ông chỉ bảo lãnh về mặt uy tín để ông Đ tin tưởng cho ông B vay tiền chứ ông không có vay tiền của ai. Do đó, ông đã viết cam kết đề ngày 05/4/2016 có nội dung “*tôi xin bảo lãnh cho anh Bình có mượn của ông M số tiền 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng) tôi chịu trách nhiệm về số tiền trên*”. Nội dung trên là do ông Đ đọc cho ông ghi. Mục đích ông ghi là để ông B vay được tiền, ông lấy uy tín bảo lãnh số tiền vay chứ không mang ý nghĩa sẽ cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với ông B.

Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với bị đơn Ông Phan Thái B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Bà Đinh Thị Bích L trình bày:*

Bà và Ông Phan Thái B trước đây là vợ chồng, nhưng đã ly hôn theo Bản án số 04/2009/HNGĐ-ST ngày 20/02/2009 của Tòa án nhân dân Thị xã Tân An (nay là Thành phố Tân An) tỉnh Long An. Quá trình chung sống, hai vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung.

Vào tháng 6 năm 2016, bà phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng số H00267 của Ủy ban nhân dân Thị xã Tân An, tỉnh Long An cấp ngày 21/9/2005 cho bà, đây là tài sản riêng do mẹ của bà tặng cho, khi bị mất nên đã ra Công an Phường nơi cư trú trình báo. Sau đó thì bà được biết ông B nhân dịp về thăm con đã lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để vay số tiền 132.000.000 đồng của ông M. Bà không biết và không liên quan gì đến việc vay tiền giữa ông B và ông M, việc ông M giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, do đó bà có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc ông M phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Bà L có đơn yêu cầu độc lập, đã tạm đóng án phí theo đúng quy định của pháp luật nên Tòa án đã thụ lý yêu cầu độc lập của bà L để giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M là ông Nguyễn Minh Đ vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Yêu cầu bị đơn Ông Phan Thái B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Anh D cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 132.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 05/5/2016 đến ngày 05/11/2020 là 55 tháng với lãi suất 9%/năm (tương ứng 0.75%/tháng) là 54.450.000 (*năm mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ông Nguyễn Minh Đ xác nhận khi Ông Phạm Anh D dẫn Ông Phan Thái B đến vay tiền thì ông Đ không có tiền để cho vay nên đã lấy tiền của Ông Nguyễn Văn M (là em vợ của ông) đưa cho ông B vay và khi đưa tiền ông Đ nói rõ với ông B và ông Đ đây tiền của Ông Nguyễn Văn M, ông B và ông Đ đồng ý nên đã viết giấy biên nhận vay tiền và viết cam kết bảo lãnh ghi tên người cho vay là Ông Nguyễn Văn M.

Ông Đ xác nhận Ông Nguyễn Văn M là người hiện đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AD 273193, số vào sổ cấp giấy chứng nhận

H00267 của Ủy ban nhân dân Thị xã Tân An, tỉnh Long An cấp ngày 21/9/2005 cho bà Đinh Thị Bích L; Ông Nguyễn Văn M chỉ đồng ý trả lại giấy này khi ông B và ông D trả đầy đủ tiền nợ gốc, tiền lãi cho ông M.

Đồng thời, ông vẫn xác định Ông Nguyễn Văn M không có chức năng kinh doanh cầm cố tài sản nhưng do biết và tin tưởng Ông Phạm Anh D là nhân viên Ngân hàng ở gần nhà ông giới thiệu, bảo lãnh và dựa vào bản chính giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Đinh Thị Bích L với Ông Phan Thái B, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đinh Thị Bích L do bị đơn Ông Phan Thái B đưa nên Ông Nguyễn Văn M mới cho bị đơn ông B vay tiền.

- Bị đơn ông Bình trình bày: Ông trực tiếp gặp và nhận tiền vay của Ông Nguyễn Văn M từ ông Nguyễn Minh Đ, số tiền gốc 50.000.000 đồng chia làm 2 đợt, đợt đầu ngày 25/10/2015 vay 20.000.000 đồng, đợt sau tháng 11/2015 vay thêm 30.000.000 đồng (*tại phiên hòa giải ngày 17/3/2020, ông nhớ nhầm tiền lãi của đợt vay đầu là 10.000.000 đồng nên mới trình bày lần 2 vay 40.000.000 đồng*), lãi suất vay thỏa thuận miệng là 20%/tháng; ông đã trả lãi tổng cộng 76.000.000 đồng. Số tiền 132.000.000 đồng, ông ghi trong giấy biên nhận nợ ngày 05/4/2016 là gồm nợ gốc, nợ lãi dồn lại của số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng ban đầu và khi viết giấy này, ông Đ yêu cầu ông ghi tên người cho vay là Ông Nguyễn Văn M. Khi vay tiền, ông có đưa cho ông Nguyễn Minh Đ giữ bản chính gồm giấy chứng nhận kết hôn giữa ông và bà Đinh Thị Bích L và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đinh Thị Bích L. Tại thời điểm đưa hai giấy này cho ông Đ giữ thì ông và bà L đã ly hôn theo Bản án số 04/2009/HNGĐ-ST ngày 20/02/2009 của Tòa án nhân dân Thị xã Tân An, tỉnh Long An.

Nay ông M yêu cầu ông trả số tiền nợ gốc 132.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 05/5/2016 đến ngày 05/11/2020 là 54.450.000 đồng phát sinh từ giấy biên nhận vay tiền ngày 05/4/2016 thì ông đồng ý trả hết cho ông M. Tuy nhiên, hiện tại do công việc làm ăn khó khăn nên ông đề nghị được trả mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Về việc ông M yêu cầu Ông Phạm Anh D liên đới chịu trách nhiệm trả nợ thì ông vẫn xác định ông D chỉ giới thiệu ông gặp ông Nguyễn Minh Đ để vay tiền, ông D không nhận tiền vay, không sử dụng tiền vay. Do đó, ông đồng ý tự chịu trách nhiệm cá nhân trả số tiền đã vay cho Ông Nguyễn Văn M.

Đồng thời, ông B đề nghị Tòa án buộc Ông Nguyễn Văn M trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị Bích L vì bà L không liên quan gì, giấy này do ông tự ý lấy và giao làm tin để vay tiền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Anh D vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cụ thể:

Ông Phạm Anh D xác nhận ông viết cam kết đề ngày 05/4/2016 có nội dung “*tôi xin bảo lãnh cho anh Bình có mượn của ông M số tiền 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng) tôi chịu trách nhiệm về số tiền trên*” với ý nghĩa cho Ông Phan Thái B vay được tiền của ông Nguyễn Minh Đ chứ không phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với ông B. Vì vậy, ông không đồng ý cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Bích Ltrình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập về việc yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Văn M phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00267 do Ủy ban nhân dân Thị xã Tân An, tỉnh Long An cấp ngày 21/9/2005 cho bà.

Tại bản án sơ thẩm số 890/2020/DS-ST ngày 27-11-2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M.

1.1. Buộc bị đơn Ông Phan Thái B phải trả cho nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/11/2020) là 186.224.877 (*một trăm tám mươi sáu triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi bảy*) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 132.000.000 (*một trăm ba mươi hai triệu*) đồng;

+ Nợ lãi: 54.224.877 (*năm mươi bốn triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi bảy*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ông Nguyễn Văn M (đối với các khoản tiền Ông Phan Thái B phải trả cho Ông Nguyễn Văn M) cho đến khi thi hành án xong, Ông Phan Thái B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Anh D phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với bị đơn Ông Phan Thái B số tiền 186.224.877 (*một trăm tám mươi sáu triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi bảy*) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Bích L: Buộc Ông Nguyễn Văn M phải trả 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: H00267 của thửa đất số 366, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ Phường 2, Thị xã Tân An (nay là thành phố Long An), tỉnh Long An, địa chỉ nhà: 3D Phan Đình Phùng, Phường 2, Thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An), tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân Thị xã Tân An, tỉnh Long An cấp ngày 21/9/2005 cho bà Đinh Thị Bích L ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Ông Phan Thái B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 9.311.244 (*chín triệu ba trăm mười một ngàn hai trăm bốn mươi bốn*) đồng.

- Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000 (*ba triệu ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai số 0000866 ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

Tân An, tỉnh Long An, Ông Nguyễn Văn M được nhận lại số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Bích L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08327 ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 09/12/2020 nguyên đơn có ông Nguyễn Minh Đ đại diện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 890/2020/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn có ông Nguyễn Minh Đ trình bày kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Ông Phạm Anh D phải cùng chịu trách nhiệm liên đới với bị đơn Phan Thái Bình trả cho ông M toàn bộ số tiền 132.000.000 đồng và tiền lãi. Ngoài ra, khi nào trả xong số nợ thì ông M mới đồng ý trả lại giấy chứng nhận cho bà Đinh Thị Bích L

Bị đơn Ông Phan Thái B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Anh D, bà Đinh Thị Bích L không đồng ý kháng cáo của ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Xét thấy tờ giấy ghi ngày 05/4/2016 của Ông Phạm Anh D có nội dung “*tôi xin bảo lãnh cho anh Bình có mượn của ông M số tiền 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng) tôi chịu trách nhiệm về số tiền trên*” nên ông D phải chịu trách nhiệm liên đới với ông M trả hết toàn bộ số tiền cho nguyên đơn. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Anh D phải cùng chịu nghĩa vụ liên đới với ông Phan Thanh Bình đối với số nợ phải trả cho ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] .Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn M là trong hạn luật định, căn cứ theo Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn xác định chỉ kháng cáo yêu cầu Ông Phạm Anh D cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông B trả số nợ 132.000.000 đồng và tiền lãi, đồng thời khi nào trả xong hết nợ thì ông M mới trả lại giấy chứng nhận cho bà Đinh Thị Bích L. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm nguyên đơn đồng ý và không kháng cáo.

[2.2]. Bị đơn ông Phan Thanh Bình không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Ông B xác nhận đây là số tiền do cá nhân ông vay mượn, nên ông chịu trách nhiệm cá nhân. Ông D chỉ là người giới thiệu, giấy bảo lãnh chỉ là hình thức tín chấp, nên không phải chịu trách nhiệm liên đới. Nay ông đồng ý trả hết toàn bộ số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn và đề nghị không liên đới trách nhiệm trả nợ của ông Dũng. Đồng thời buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận cho bà Liên.

[2.3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Anh D thừa nhận có đứng ra viết giấy bảo lãnh cho ông B vay tiền, tuy nhiên nay ông B thừa nhận số nợ, đồng ý trả hết số nợ cho nguyên đơn, số tiền vay ông không có nhận và không có sử dụng nên ông không phải chịu trách nhiệm liên đới. Ngoài ra, việc viết giấy bảo lãnh chỉ là hình thức tín chấp, tạo niềm tin, nên ông không đồng ý trách nhiệm liên đới.

[2.4]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Bích L không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì việc chiếm giữ là không hợp pháp.

[2.5]. Xét yêu cầu kháng cáo:

-Đối với tờ giấy lập ngày 05/4/2016 của ông Dũng, các bên đều thừa nhận nội dung của giấy là đúng. Như vậy, việc vay mượn giữa ông B với ông M là thật, ông D viết giấy với nội dung bảo lãnh cho ông B vay tiền cũng là thật. Trong giấy cũng ghi rõ ràng ông D phải chịu trách nhiệm bảo lãnh với số tiền mà ông B vay. Các bên đương sự cũng thừa nhận đây là việc bảo lãnh. Do đó, căn cứ theo Điều 361 Bộ Luật dân sự năm 2005 xác định đây là nghĩa vụ bảo lãnh của ông D (nghĩa vụ của người thứ ba) đối với số tiền vay của ông B là đúng theo qui định pháp luật.

Căn cứ theo quy định pháp luật: Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Các bên cũng có thể thoả thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình (theo Bộ luật dân sự 2005 quy định tại Điều 361). Từ cơ sở đó, đây là trường hợp bảo lãnh và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, ông M có quyền yêu cầu ông D phải chịu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp

luật, chứ không phải là trách nhiệm liên đới. Vì vậy, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu ông Dchịu trách nhiệm liên đới cùng ông B trả nợ là không đúng nên không được chấp nhận.

-Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00267 do Ủy ban nhân dân Thị xã Tân An (nay là Thành phố Tân An), tỉnh Long An cấp cho bà Đinh Thị Bích Lâm ông M đang tạm giữ, bà Lchứng minh được đây là giấy tờ hợp pháp của bà và cũng không liên quan đến việc vay nợ giữa ông B và ông M nên buộc ông M phải trả lại cho bà Llà đúng quy định pháp luật, bên nguyên đơn kháng cáo đề nghị giữ giấy cho đến khi nào trả xong hết nợ là không đúng, nên không chấp nhận kháng cáo này của nguyên đơn.

-Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về trách nhiệm liên đới của ông Dũng, nhưng như nhận định nêu trên đây là trường hợp bảo lãnh và thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh, không phải là trách nhiệm liên đới. Nên không chấp nhận đề nghị nêu trên.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bác kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

-Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Minh.

2. Giữ y bản án sơ thẩm số 890/2020/DS-ST ngày 27-11-2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M.

- Buộc bị đơn Ông Phan Thái B phải trả cho nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/11/2020) là 186.224.877 (*một trăm tám mươi sáu triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi bảy*) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 132.000.000 (*một trăm ba mươi hai triệu*) đồng;

+ Nợ lãi: 54.224.877 (*năm mươi bốn triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi bảy*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ông Nguyễn Văn M (đối với các khoản tiền Ông Phan Thái B phải trả cho Ông Nguyễn Văn M) cho đến khi

thi hành án xong, Ông Phan Thái B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn M về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Anh D phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với bị đơn Ông Phan Thái B số tiền 186.224.877 (*một trăm tám mươi sáu triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm bảy mươi bảy*) đồng.

2.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Bích L:

Buộc Ông Nguyễn Văn M phải trả 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: H00267 của thửa đất số 366, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ Phường 2, Thị xã Tân An (nay là Thành phố Long An), tỉnh Long An, địa chỉ nhà: 3D Phan Đình Phùng, Phường 2, Thị xã Tân An (nay là Thành phố Tân An), tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân Thị xã Tân An, tỉnh Long An cấp ngày 21/9/2005 cho bà Đinh Thị Bích L ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Ông Phan Thái B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 9.311.244 (*chín triệu ba trăm mười một ngàn hai trăm bốn mươi bốn*) đồng.

Nguyên đơn ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng. Nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000 (*ba triệu ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai số 0000866 ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tân An, tỉnh Long An, Ông Nguyễn Văn M được nhận lại số tiền 3.000.000 (*ba triệu*) đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Bích L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08327 ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng do ông Nguyễn Văn M nộp ngày theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0019572 ngày 24 tháng 12 năm 2020.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối Cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Tân An, Tỉnh Long An;
- Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim